

**Thống kê Bluezoner có số điện thoại theo quận/ huyện/ thị xã/ thành phố
ngày 15/8/2020**

Ghi chú:

* Dữ liệu là kết quả của việc khai phá, đối soát giữa kho dữ liệu Quý 2/2020 của Cục Viễn thông và kho dữ liệu mới nhất của các nhà mạng. Vì vậy công cụ BI trả về kết quả có một số lưu ý như sau:

- Có những Huyện có tên bỏ trống, số liệu tương ứng được hiểu là chưa xác định được Bluezoner thuộc Huyện nào;
- Có những Huyện có tên trùng với tên của Tỉnh (Thành phố), số liệu tương ứng được hiểu là chưa xác định được Bluezoner thuộc Huyện nào;
- Có những Tỉnh (Thành phố) vẫn còn những Huyện cũ (đã giải tán), số liệu tương ứng nên được các địa phương tự phân bổ phù hợp lịch sử chia tách, sát nhập các Huyện đã xảy ra.

* Sau khi đối soát số liệu với các nhà mạng, số liệu về smartphone của các địa phương có thể có sự thay đổi so với số liệu trước đó nhưng đảm bảo thay đổi theo hướng chính xác với thực tế hơn. Phương pháp so sánh số điện thoại của Bluezoner với tập thuê bao khách hàng viễn thông được doanh nghiệp viễn thông định nghĩa là thuê bao đang ở trong tỉnh (tập dữ liệu này các nhà mạng dùng để chia cước viễn thông nên có độ chính xác tốt)

Tỉnh	Huyện	Số Bluezoner có số điện thoại
		14,641,849
AN GIANG	Huyện An Phú	9,875
AN GIANG	Huyện Châu Phú	12,915
AN GIANG	Huyện Châu Thành	9,864
AN GIANG	Huyện Chợ Mới	17,106
AN GIANG	Huyện Phú Tân	11,783
AN GIANG	Huyện Thoại Sơn	11,585
AN GIANG	Huyện Tri Tôn	9,720
AN GIANG	Huyện Tịnh Biên	8,798
AN GIANG	Thành phố Châu Đốc	14,483
AN GIANG	Thành phố Long Xuyên	41,669
AN GIANG	Thị xã Tân Châu	9,312
BÀ RỊA - VŨNG TÀU		736
BÀ RỊA - VŨNG TÀU	Huyện Châu Đức	17,764
BÀ RỊA - VŨNG TÀU	Huyện Côn Đảo	2,892
BÀ RỊA - VŨNG TÀU	Huyện Long Điền	17,269
BÀ RỊA - VŨNG TÀU	Huyện Xuyên Mộc	15,946
BÀ RỊA - VŨNG TÀU	Huyện Đất Đỏ	7,268
BÀ RỊA - VŨNG TÀU	Thành phố Bà Rịa	24,839
BÀ RỊA - VŨNG TÀU	Thành phố Vũng Tàu	83,665
BÀ RỊA - VŨNG TÀU	Thị xã Phú Mỹ	36,257

BÌNH DƯƠNG	Huyện Bàu Bàng	14,161
BÌNH DƯƠNG	Huyện Bắc Tân Uyên	8,883
BÌNH DƯƠNG	Huyện Dầu tiêng	10,977
BÌNH DƯƠNG	Huyện Phú Giáo	11,704
BÌNH DƯƠNG	Thành phố Thủ Dầu Một	84,336
BÌNH DƯƠNG	Thị xã Bến Cát	55,735
BÌNH DƯƠNG	Thị xã Dĩ An	88,961
BÌNH DƯƠNG	Thị xã Thuận An	114,212
BÌNH DƯƠNG	Thị xã Tân Uyên	60,126
BÌNH PHƯỚC	Huyện Bù Gia Mập	5,674
BÌNH PHƯỚC	Huyện Bù Đăng	13,575
BÌNH PHƯỚC	Huyện Bù Đốp	4,368
BÌNH PHƯỚC	Huyện Chơn Thành	11,973
BÌNH PHƯỚC	Huyện Hớn Quản	6,820
BÌNH PHƯỚC	Huyện Lộc Ninh	10,069
BÌNH PHƯỚC	Huyện Phú Riềng	7,325
BÌNH PHƯỚC	Huyện Đồng Phú	12,718
BÌNH PHƯỚC	Thành phố Đồng Xoài	17,454
BÌNH PHƯỚC	Thị xã Bình Long	6,548
BÌNH PHƯỚC	Thị xã Phước Long	7,826
BÌNH THUẬN	Huyện Bắc Bình	9,472
BÌNH THUẬN	Huyện Hàm Thuận Bắc	13,769
BÌNH THUẬN	Huyện Hàm Thuận Nam	12,069
BÌNH THUẬN	Huyện Hàm Tân	5,706
BÌNH THUẬN	Huyện Phú Quý	3,075
BÌNH THUẬN	Huyện Tuy Phong	12,782
BÌNH THUẬN	Huyện Tánh Linh	7,572
BÌNH THUẬN	Huyện Đức Linh	9,037
BÌNH THUẬN	Thành phố Phan Thiết	39,844
BÌNH THUẬN	Thị xã La Gi	10,840
BÌNH ĐỊNH	Huyện An Lão	3,125
BÌNH ĐỊNH	Huyện Hoài Nhơn	19,020
BÌNH ĐỊNH	Huyện Hoài Ân	5,359
BÌNH ĐỊNH	Huyện Phù Cát	11,917
BÌNH ĐỊNH	Huyện Phù Mỹ	10,414
BÌNH ĐỊNH	Huyện Tuy Phước	11,791
BÌNH ĐỊNH	Huyện Tây Sơn	8,010
BÌNH ĐỊNH	Huyện Vân Canh	1,741
BÌNH ĐỊNH	Huyện Vĩnh Thạnh	2,278
BÌNH ĐỊNH	Thành phố Quy Nhơn	57,647
BÌNH ĐỊNH	Thị xã An Nhơn	14,366
BẠC LIÊU	Huyện Hoà Bình	6,094
BẠC LIÊU	Huyện Hồng Dân	4,488
BẠC LIÊU	Huyện Phước Long	5,079

BẠC LIÊU	Huyện Vĩnh Lợi	5,012
BẠC LIÊU	Huyện Đông Hải	5,938
BẠC LIÊU	Thành phố Bạc Liêu	19,628
BẠC LIÊU	Thị xã Giá Rai	9,037
BẠC LIÊU	TỈNH BẠC LIÊU	148
BẮC GIANG	Huyện Hiệp Hòa	30,314
BẮC GIANG	Huyện Lạng Giang	30,453
BẮC GIANG	Huyện Lục Nam	25,434
BẮC GIANG	Huyện Lục Ngạn	28,119
BẮC GIANG	Huyện Sơn Động	12,880
BẮC GIANG	Huyện Tân Yên	22,619
BẮC GIANG	Huyện Việt Yên	51,972
BẮC GIANG	Huyện Yên Dũng	23,016
BẮC GIANG	Huyện Yên Thế	15,229
BẮC GIANG	Thành phố Bắc Giang	44,118
BẮC GIANG	TỈNH BẮC GIANG	735
BẮC KẠN	Huyện Ba Bể	3,055
BẮC KẠN	Huyện Bạch Thông	2,178
BẮC KẠN	Huyện Chợ Mới	4,456
BẮC KẠN	Huyện Chợ Đồn	3,876
BẮC KẠN	Huyện Na Rì	3,201
BẮC KẠN	Huyện Ngân Sơn	2,243
BẮC KẠN	Huyện Pác Nặm	1,848
BẮC KẠN	Thành phố Bắc Kạn	9,790
BẮC NINH	Huyện Gia Bình	13,361
BẮC NINH	Huyện Lương Tài	12,169
BẮC NINH	Huyện Quế Võ	32,409
BẮC NINH	Huyện Thuận Thành	26,207
BẮC NINH	Huyện Tiên Du	37,108
BẮC NINH	Huyện Yên Phong	46,003
BẮC NINH	Thành phố Bắc Ninh	75,437
BẮC NINH	Thị xã Từ Sơn	41,364
BẮC NINH	TỈNH BẮC NINH	815
BẾN TRE	Huyện Ba Tri	9,023
BẾN TRE	Huyện Bình Đại	7,494
BẾN TRE	Huyện Châu Thành	15,314
BẾN TRE	Huyện Chợ Lách	7,594
BẾN TRE	Huyện Giồng Trôm	9,336
BẾN TRE	Huyện Mỏ Cày Bắc	7,214
BẾN TRE	Huyện Mỏ Cày Nam	9,657
BẾN TRE	Huyện Thạnh Phú	6,907
BẾN TRE	Thành phố Bến Tre	19,360
CAO BẰNG	Huyện Bảo Lâm	2,510
CAO BẰNG	Huyện Bảo Lạc	3,154

CAO BẰNG	Huyện Hoà An	4,768
CAO BẰNG	Huyện Hà Quảng	2,960
CAO BẰNG	Huyện Hạ Lang	2,844
CAO BẰNG	Huyện Nguyên Bình	2,489
CAO BẰNG	Huyện Phục Hoà	1,989
CAO BẰNG	Huyện Quảng Uyên	2,897
CAO BẰNG	Huyện Thông Nông	1,511
CAO BẰNG	Huyện Thạch An	2,577
CAO BẰNG	Huyện Trà Lĩnh	2,110
CAO BẰNG	Huyện Trùng Khánh	3,615
CAO BẰNG	Thành phố Cao Bằng	18,731
CÀ MAU	Huyện Cái Nước	7,150
CÀ MAU	Huyện Ngọc Hiển	4,488
CÀ MAU	Huyện Năm Căn	2,885
CÀ MAU	Huyện Phú Tân	4,580
CÀ MAU	Huyện Thới Bình	7,599
CÀ MAU	Huyện Trần Văn Thời	9,788
CÀ MAU	Huyện U Minh	6,045
CÀ MAU	Huyện Đầm Dơi	9,765
CÀ MAU	Thành phố Cà Mau	37,336
CẦN THƠ		129
CẦN THƠ	Huyện Cờ Đỏ	5,917
CẦN THƠ	Huyện Phong Điền	6,564
CẦN THƠ	Huyện Thới Lai	5,334
CẦN THƠ	Huyện Vĩnh Thạnh	5,120
CẦN THƠ	Quận Bình Thủy	21,621
CẦN THƠ	Quận Cái Răng	18,960
CẦN THƠ	Quận Ninh Kiều	78,636
CẦN THƠ	Quận Thốt Nốt	10,522
CẦN THƠ	Quận Ô Môn	9,249
GIA LAI	Huyện Chư Prông	7,572
GIA LAI	Huyện Chư Păh	4,426
GIA LAI	Huyện Chư Pưh	3,359
GIA LAI	Huyện Chư Sê	7,940
GIA LAI	Huyện Ia Grai	6,356
GIA LAI	Huyện Ia Pa	2,040
GIA LAI	Huyện KBang	4,498
GIA LAI	Huyện Krông Pa	4,039
GIA LAI	Huyện Kông Chro	2,344
GIA LAI	Huyện Mang Yang	4,191
GIA LAI	Huyện Phú Thiện	4,184
GIA LAI	Huyện Đăk Pơ	2,901
GIA LAI	Huyện Đăk Đoa	6,599
GIA LAI	Huyện Đức Cơ	5,800

GIA LAI	Thành phố Pleiku	49,439
GIA LAI	Thị xã An Khê	8,478
GIA LAI	Thị xã Ayun Pa	3,687
HÀ GIANG	Huyện Bắc Mê	1,875
HÀ GIANG	Huyện Bắc Quang	8,483
HÀ GIANG	Huyện Hoàng Su Phì	3,533
HÀ GIANG	Huyện Mèo Vạc	2,072
HÀ GIANG	Huyện Quang Bình	2,377
HÀ GIANG	Huyện Quản Bạ	2,938
HÀ GIANG	Huyện Vị Xuyên	5,958
HÀ GIANG	Huyện Xín Mần	2,799
HÀ GIANG	Huyện Yên Minh	2,576
HÀ GIANG	Huyện Đồng Văn	2,307
HÀ GIANG	Thành phố Hà Giang	11,730
HÀ NAM	Huyện Bình Lục	9,282
HÀ NAM	Huyện Duy Tiên	18,189
HÀ NAM	Huyện Kim Bảng	12,639
HÀ NAM	Huyện Lý Nhân	12,071
HÀ NAM	Huyện Thanh Liêm	11,242
HÀ NAM	Thành phố Phủ Lý	25,563
HÀ NỘI		154
HÀ NỘI	Huyện Ba Vì	32,334
HÀ NỘI	Huyện Chương Mỹ	50,337
HÀ NỘI	Huyện Gia Lâm	72,441
HÀ NỘI	Huyện Hoài Đức	59,971
HÀ NỘI	Huyện Mê Linh	36,711
HÀ NỘI	Huyện Mỹ Đức	17,490
HÀ NỘI	Huyện Phú Xuyên	19,423
HÀ NỘI	Huyện Phúc Thọ	26,236
HÀ NỘI	Huyện Quốc Oai	29,090
HÀ NỘI	Huyện Sóc Sơn	56,905
HÀ NỘI	Huyện Thanh Oai	29,454
HÀ NỘI	Huyện Thanh Trì	82,195
HÀ NỘI	Huyện Thường Tín	38,881
HÀ NỘI	Huyện Thạch Thất	40,965
HÀ NỘI	Huyện Đan Phượng	33,629
HÀ NỘI	Huyện Đông Anh	87,785
HÀ NỘI	Huyện ứng Hòa	18,043
HÀ NỘI	Quận Ba Đình	86,175
HÀ NỘI	Quận Bắc Từ Liêm	120,916
HÀ NỘI	Quận Cầu Giấy	165,486
HÀ NỘI	Quận Hai Bà Trưng	125,881
HÀ NỘI	Quận Hoàn Kiếm	61,972
HÀ NỘI	Quận Hoàng Mai	169,070

HÀ NỘI	Quận Hà Đông	149,564
HÀ NỘI	Quận Long Biên	104,486
HÀ NỘI	Quận Nam Từ Liêm	141,310
HÀ NỘI	Quận Thanh Xuân	127,039
HÀ NỘI	Quận Tây Hồ	59,491
HÀ NỘI	Quận Đống Đa	159,923
HÀ NỘI	Thị xã Hoàng Mai	2,246
HÀ NỘI	Thị xã Sơn Tây	33,747
HÀ TĨNH	Huyện Can Lộc	11,725
HÀ TĨNH	Huyện Cẩm Xuyên	12,606
HÀ TĨNH	Huyện Hương Khê	8,034
HÀ TĨNH	Huyện Hương Sơn	9,489
HÀ TĨNH	Huyện Kỳ Anh	7,832
HÀ TĨNH	Huyện Lộc Hà	6,130
HÀ TĨNH	Huyện Nghi Xuân	11,921
HÀ TĨNH	Huyện Thạch Hà	13,752
HÀ TĨNH	Huyện Vũ Quang	2,743
HÀ TĨNH	Huyện Đức Thọ	8,322
HÀ TĨNH	Thành phố Hà Tĩnh	26,787
HÀ TĨNH	Thị xã Hồng Lĩnh	6,148
HÀ TĨNH	Thị xã Kỳ Anh	11,623
HÒA BÌNH	Huyện Cao Phong	3,445
HÒA BÌNH	Huyện Kim Bôi	7,245
HÒA BÌNH	Huyện Kỳ Sơn	3,634
HÒA BÌNH	Huyện Lương Sơn	10,756
HÒA BÌNH	Huyện Lạc Sơn	6,435
HÒA BÌNH	Huyện Lạc Thủy	6,379
HÒA BÌNH	Huyện Mai Châu	4,205
HÒA BÌNH	Huyện Tân Lạc	5,715
HÒA BÌNH	Huyện Yên Thủy	4,877
HÒA BÌNH	Huyện Đà Bắc	3,339
HÒA BÌNH	Thành phố Hòa Bình	20,069
HƯNG YÊN	Huyện Khoái Châu	24,875
HƯNG YÊN	Huyện Kim Động	12,876
HƯNG YÊN	Huyện Phù Cừ	6,855
HƯNG YÊN	Huyện Tiên Lữ	10,053
HƯNG YÊN	Huyện Văn Giang	20,851
HƯNG YÊN	Huyện Văn Lâm	30,746
HƯNG YÊN	Huyện Yên Mỹ	33,079
HƯNG YÊN	Huyện Ân Thi	13,319
HƯNG YÊN	Thành phố Hưng Yên	16,298
HƯNG YÊN	Thị xã Mỹ Hào	25,595
HƯNG YÊN	TỈNH HƯNG YÊN	247
HẢI DƯƠNG	Huyện Bình Giang	17,842

HẢI DƯƠNG	Huyện Cẩm Giàng	29,166
HẢI DƯƠNG	Huyện Gia Lộc	25,223
HẢI DƯƠNG	Huyện Kim Thành	20,615
HẢI DƯƠNG	Huyện Nam Sách	19,002
HẢI DƯƠNG	Huyện Ninh Giang	17,667
HẢI DƯƠNG	Huyện Thanh Hà	21,303
HẢI DƯƠNG	Huyện Thanh Miện	13,687
HẢI DƯƠNG	Huyện Tứ Kỳ	22,686
HẢI DƯƠNG	Thành phố Chí Linh	25,561
HẢI DƯƠNG	Thành phố Hải Dương	75,726
HẢI DƯƠNG	Thị xã Kinh Môn	24,972
HẢI PHÒNG	Huyện An Dương	44,675
HẢI PHÒNG	Huyện An Lão	19,769
HẢI PHÒNG	Huyện Bạch Long Vĩ	292
HẢI PHÒNG	Huyện Cát Hải	8,128
HẢI PHÒNG	Huyện Kiến Thụy	16,616
HẢI PHÒNG	Huyện Thuỷ Nguyên	48,826
HẢI PHÒNG	Huyện Tiên Lãng	16,079
HẢI PHÒNG	Huyện Vĩnh Bảo	19,852
HẢI PHÒNG	Quận Hải An	34,848
HẢI PHÒNG	Quận Hồng Bàng	27,148
HẢI PHÒNG	Quận Kinh Dương	11,953
HẢI PHÒNG	Quận Kiến An	24,246
HẢI PHÒNG	Quận Lê Chân	45,753
HẢI PHÒNG	Quận Ngô Quyền	40,103
HẢI PHÒNG	Quận Đồ Sơn	7,417
HẢI PHÒNG	THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	112
HẬU GIANG		92
HẬU GIANG	Huyện Châu Thành	7,233
HẬU GIANG	Huyện Châu Thành A	9,135
HẬU GIANG	Huyện Long Mỹ	3,445
HẬU GIANG	Huyện Phụng Hiệp	12,519
HẬU GIANG	Huyện Vị Thuỷ	7,059
HẬU GIANG	Thành phố Vị Thanh	9,529
HẬU GIANG	Thị xã Long Mỹ	4,741
HẬU GIANG	Thị xã Ngã Bảy	5,704
HỒ CHÍ MINH	Huyện Bình Chánh	108,477
HỒ CHÍ MINH	Huyện Cần Giờ	7,929
HỒ CHÍ MINH	Huyện Củ Chi	65,204
HỒ CHÍ MINH	Huyện Hóc Môn	86,225
HỒ CHÍ MINH	Huyện Nhà Bè	38,257
HỒ CHÍ MINH	Quận 1	97,139
HỒ CHÍ MINH	Quận 10	79,889
HỒ CHÍ MINH	Quận 11	42,660

HỒ CHÍ MINH	Quận 12	137,193
HỒ CHÍ MINH	Quận 2	71,224
HỒ CHÍ MINH	Quận 3	66,601
HỒ CHÍ MINH	Quận 4	37,220
HỒ CHÍ MINH	Quận 5	54,506
HỒ CHÍ MINH	Quận 6	45,538
HỒ CHÍ MINH	Quận 7	117,912
HỒ CHÍ MINH	Quận 8	76,545
HỒ CHÍ MINH	Quận 9	113,151
HỒ CHÍ MINH	Quận Bình Thạnh	151,739
HỒ CHÍ MINH	Quận Bình Tân	165,933
HỒ CHÍ MINH	Quận Gò Vấp	148,795
HỒ CHÍ MINH	Quận Phú Nhuận	55,309
HỒ CHÍ MINH	Quận Thủ Đức	167,582
HỒ CHÍ MINH	Quận Tân Bình	149,302
HỒ CHÍ MINH	Quận Tân Phú	118,182
KHÁNH HÒA	Huyện Cam Lâm	16,098
KHÁNH HÒA	Huyện Diên Khánh	15,445
KHÁNH HÒA	Huyện Khánh Sơn	2,233
KHÁNH HÒA	Huyện Khánh Vĩnh	2,399
KHÁNH HÒA	Huyện Trường Sa	205
KHÁNH HÒA	Huyện Vạn Ninh	10,001
KHÁNH HÒA	Thành phố Cam Ranh	25,096
KHÁNH HÒA	Thành phố Nha Trang	113,610
KHÁNH HÒA	Thị xã Ninh Hòa	17,690
KHÁNH HÒA	TỈNH KHÁNH HÒA	2
KIÊN GIANG	Huyện An Biên	5,474
KIÊN GIANG	Huyện An Minh	5,787
KIÊN GIANG	Huyện Châu Thành	6,224
KIÊN GIANG	Huyện Giang Thành	1,854
KIÊN GIANG	Huyện Giồng Giềng	9,822
KIÊN GIANG	Huyện Gò Quao	5,230
KIÊN GIANG	Huyện Hòn Đất	9,657
KIÊN GIANG	Huyện Kiên Hải	1,657
KIÊN GIANG	Huyện Kiên Lương	6,949
KIÊN GIANG	Huyện Phú Quốc	33,608
KIÊN GIANG	Huyện Tân Hiệp	6,017
KIÊN GIANG	Huyện U Minh Thượng	3,862
KIÊN GIANG	Huyện Vĩnh Thuận	4,923
KIÊN GIANG	Thành phố Hà Tiên	5,738
KIÊN GIANG	Thành phố Rạch Giá	35,380
KON TUM	Huyện Ia H' Drai	17
KON TUM	Huyện Kon Plông	1,862
KON TUM	Huyện Kon Rẫy	1,729

KON TUM	Huyện Ngọc Hồi	5,449
KON TUM	Huyện Sa Thầy	4,743
KON TUM	Huyện Tu Mơ Rông	901
KON TUM	Huyện Đắk Glei	2,776
KON TUM	Huyện Đắk Hà	5,512
KON TUM	Huyện Đắk Tô	3,952
KON TUM	Thành phố Kon Tum	24,712
LAI CHÂU	Huyện Mường Tè	2,819
LAI CHÂU	Huyện Nậm Nhùn	1,747
LAI CHÂU	Huyện Phong Thổ	4,732
LAI CHÂU	Huyện Sìn Hồ	3,530
LAI CHÂU	Huyện Tam Đường	3,024
LAI CHÂU	Huyện Than Uyên	4,782
LAI CHÂU	Huyện Tân Uyên	3,902
LAI CHÂU	Thành phố Lai Châu	11,753
LAI CHÂU	TỈNH LAI CHÂU	10
LONG AN	Huyện Bến Lức	25,883
LONG AN	Huyện Châu Thành	8,176
LONG AN	Huyện Cần Giuộc	27,993
LONG AN	Huyện Cần Đước	16,978
LONG AN	Huyện Mộc Hóa	3,213
LONG AN	Huyện Thạnh Hóa	5,081
LONG AN	Huyện Thủ Thừa	10,306
LONG AN	Huyện Tân Hưng	3,346
LONG AN	Huyện Tân Thạnh	6,676
LONG AN	Huyện Tân Trụ	5,595
LONG AN	Huyện Vĩnh Hưng	4,379
LONG AN	Huyện Đức Huệ	5,493
LONG AN	Huyện Đức Hòa	44,461
LONG AN	Thành phố Tân An	25,155
LONG AN	Thị xã Kiến Tường	4,278
LÀO CAI	Huyện Bát Xát	5,115
LÀO CAI	Huyện Bảo Thắng	9,422
LÀO CAI	Huyện Bảo Yên	5,574
LÀO CAI	Huyện Bắc Hà	3,862
LÀO CAI	Huyện Mường Khương	3,174
LÀO CAI	Huyện Si Ma Cai	1,497
LÀO CAI	Huyện Văn Bàn	4,973
LÀO CAI	Thành phố Lào Cai	22,055
LÀO CAI	Thị xã Sa Pa	7,263
LÀO CAI	TỈNH LÀO CAI	65
LÂM ĐỒNG	Huyện Bảo Lâm	10,016
LÂM ĐỒNG	Huyện Cát Tiên	3,659
LÂM ĐỒNG	Huyện Di Linh	11,520

LÂM ĐỒNG	Huyện Lâm Hà	14,533
LÂM ĐỒNG	Huyện Lạc Dương	3,362
LÂM ĐỒNG	Huyện Đam Rông	2,663
LÂM ĐỒNG	Huyện Đơn Dương	8,573
LÂM ĐỒNG	Huyện Đa Huoai	2,838
LÂM ĐỒNG	Huyện Đa Tễ	4,176
LÂM ĐỒNG	Huyện Đức Trọng	20,099
LÂM ĐỒNG	Thành phố Bảo Lộc	20,909
LÂM ĐỒNG	Thành phố Đà Lạt	59,672
LẠNG SƠN	Huyện Bình Gia	5,881
LẠNG SƠN	Huyện Bắc Sơn	8,355
LẠNG SƠN	Huyện Cao Lộc	15,190
LẠNG SƠN	Huyện Chi Lăng	8,981
LẠNG SƠN	Huyện Hữu Lũng	15,724
LẠNG SƠN	Huyện Lộc Bình	14,196
LẠNG SƠN	Huyện Tràng Định	10,188
LẠNG SƠN	Huyện Văn Lãng	7,622
LẠNG SƠN	Huyện Văn Quan	6,452
LẠNG SƠN	Huyện Đình Lập	6,159
LẠNG SƠN	Thành phố Lạng Sơn	37,117
NAM ĐỊNH	Huyện Giao Thủy	12,548
NAM ĐỊNH	Huyện Hải Hậu	19,149
NAM ĐỊNH	Huyện Mỹ Lộc	6,366
NAM ĐỊNH	Huyện Nam Trực	13,444
NAM ĐỊNH	Huyện Nghĩa Hưng	12,526
NAM ĐỊNH	Huyện Trực Ninh	12,607
NAM ĐỊNH	Huyện Vụ Bản	11,694
NAM ĐỊNH	Huyện Xuân Trường	10,210
NAM ĐỊNH	Huyện Ý Yên	19,860
NAM ĐỊNH	Thành phố Nam Định	43,678
NAM ĐỊNH	TỈNH NAM ĐỊNH	664
NGHỆ AN		39
NGHỆ AN	Huyện Anh Sơn	6,125
NGHỆ AN	Huyện Con Cuông	4,144
NGHỆ AN	Huyện Diễn Châu	26,986
NGHỆ AN	Huyện Hưng Nguyên	12,114
NGHỆ AN	Huyện Kỳ Sơn	2,596
NGHỆ AN	Huyện Nam Đàn	12,476
NGHỆ AN	Huyện Nghi Lộc	17,368
NGHỆ AN	Huyện Nghĩa Đàn	9,303
NGHỆ AN	Huyện Quế Phong	3,509
NGHỆ AN	Huyện Quỳnh Châu	3,296
NGHỆ AN	Huyện Quỳnh Hợp	9,179
NGHỆ AN	Huyện Quỳnh Lưu	19,054

NGHỆ AN	Huyện Thanh Chương	12,864
NGHỆ AN	Huyện Tân Kỳ	8,548
NGHỆ AN	Huyện Tương Dương	3,864
NGHỆ AN	Huyện Yên Thành	17,150
NGHỆ AN	Huyện Đô Lương	14,654
NGHỆ AN	Thành phố Vinh	80,894
NGHỆ AN	Thị xã Cửa Lò	9,312
NGHỆ AN	Thị xã Hoàng Mai	9,526
NGHỆ AN	Thị xã Thái Hoà	7,737
NINH BÌNH	Huyện Gia Viễn	10,285
NINH BÌNH	Huyện Hoa Lư	8,545
NINH BÌNH	Huyện Kim Sơn	10,133
NINH BÌNH	Huyện Nho Quan	12,151
NINH BÌNH	Huyện Yên Khánh	12,327
NINH BÌNH	Huyện Yên Mô	10,873
NINH BÌNH	Thành phố Ninh Bình	28,554
NINH BÌNH	Thành phố Tam Điệp	10,760
NINH BÌNH	TỈNH NINH BÌNH	260
NINH THUẬN	Huyện Bác Ái	1,467
NINH THUẬN	Huyện Ninh Hải	8,011
NINH THUẬN	Huyện Ninh Phước	8,984
NINH THUẬN	Huyện Ninh Sơn	5,824
NINH THUẬN	Huyện Thuận Bắc	1,877
NINH THUẬN	Huyện Thuận Nam	5,138
NINH THUẬN	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	24,398
PHÚ THỌ	Huyện Cẩm Khê	11,749
PHÚ THỌ	Huyện Hạ Hoà	9,539
PHÚ THỌ	Huyện Lâm Thao	11,738
PHÚ THỌ	Huyện Phù Ninh	11,142
PHÚ THỌ	Huyện Tam Nông	8,322
PHÚ THỌ	Huyện Thanh Ba	11,837
PHÚ THỌ	Huyện Thanh Sơn	11,167
PHÚ THỌ	Huyện Thanh Thủy	8,556
PHÚ THỌ	Huyện Tân Sơn	6,342
PHÚ THỌ	Huyện Yên Lập	6,899
PHÚ THỌ	Huyện Đoan Hùng	11,279
PHÚ THỌ	Thành phố Việt Trì	44,234
PHÚ THỌ	Thị xã Phú Thọ	11,117
PHÚ THỌ	TỈNH PHÚ THỌ	39
PHÚ YÊN	Huyện Phú Hoà	7,012
PHÚ YÊN	Huyện Sông Hình	4,080
PHÚ YÊN	Huyện Sơn Hòa	3,378
PHÚ YÊN	Huyện Tuy An	7,360
PHÚ YÊN	Huyện Tây Hoà	6,245

PHÚ YÊN	Huyện Đông Hoà	9,516
PHÚ YÊN	Huyện Đồng Xuân	3,383
PHÚ YÊN	Thành phố Tuy Hòa	28,128
PHÚ YÊN	Thị xã Sông Cầu	8,730
QUẢNG BÌNH	Huyện Bố Trạch	16,652
QUẢNG BÌNH	Huyện Lệ Thủy	12,905
QUẢNG BÌNH	Huyện Minh Hóa	3,165
QUẢNG BÌNH	Huyện Quảng Ninh	8,103
QUẢNG BÌNH	Huyện Quảng Trạch	7,844
QUẢNG BÌNH	Huyện Tuyên Hóa	5,684
QUẢNG BÌNH	Thành phố Đồng Hới	32,979
QUẢNG BÌNH	Thị xã Ba Đồn	9,590
QUẢNG NAM	Huyện Bắc Trà My	3,921
QUẢNG NAM	Huyện Duy Xuyên	22,756
QUẢNG NAM	Huyện Hiệp Đức	4,849
QUẢNG NAM	Huyện Nam Giang	3,384
QUẢNG NAM	Huyện Nam Trà My	1,626
QUẢNG NAM	Huyện Nông Sơn	3,223
QUẢNG NAM	Huyện Núi Thành	23,489
QUẢNG NAM	Huyện Phú Ninh	9,946
QUẢNG NAM	Huyện Phước Sơn	3,138
QUẢNG NAM	Huyện Quế Sơn	10,770
QUẢNG NAM	Huyện Thăng Bình	25,842
QUẢNG NAM	Huyện Tiên Phước	8,053
QUẢNG NAM	Huyện Tây Giang	1,717
QUẢNG NAM	Huyện Đông Giang	2,789
QUẢNG NAM	Huyện Đại Lộc	19,332
QUẢNG NAM	Thành phố Hội An	24,157
QUẢNG NAM	Thành phố Tam Kỳ	35,153
QUẢNG NAM	Thị xã Điện Bàn	39,622
QUẢNG NGÃI	Huyện Ba Tơ	3,218
QUẢNG NGÃI	Huyện Bình Sơn	27,991
QUẢNG NGÃI	Huyện Lý Sơn	1,695
QUẢNG NGÃI	Huyện Minh Long	965
QUẢNG NGÃI	Huyện Mộ Đức	10,859
QUẢNG NGÃI	Huyện Nghĩa Hành	7,793
QUẢNG NGÃI	Huyện Sơn Hà	3,576
QUẢNG NGÃI	Huyện Sơn Tây	1,331
QUẢNG NGÃI	Huyện Sơn Tịnh	12,041
QUẢNG NGÃI	Huyện Trà Bồng	2,906
QUẢNG NGÃI	Huyện Tây Trà	857
QUẢNG NGÃI	Huyện Tư Nghĩa	14,437
QUẢNG NGÃI	Huyện Đức Phổ	12,626
QUẢNG NGÃI	Thành phố Quảng Ngãi	47,812

QUẢNG NINH	Huyện Ba Chẽ	3,884
QUẢNG NINH	Huyện Bình Liêu	5,124
QUẢNG NINH	Huyện Cô Tô	2,090
QUẢNG NINH	Huyện Hoành Bồ	12,652
QUẢNG NINH	Huyện Hải Hà	15,413
QUẢNG NINH	Huyện Tiên Yên	9,281
QUẢNG NINH	Huyện Vân Đồn	9,639
QUẢNG NINH	Huyện Đầm Hà	7,653
QUẢNG NINH	Thành phố Cẩm Phả	55,704
QUẢNG NINH	Thành phố Hạ Long	101,559
QUẢNG NINH	Thành phố Móng Cái	30,654
QUẢNG NINH	Thành phố Uông Bí	30,533
QUẢNG NINH	Thị xã Quảng Yên	23,071
QUẢNG NINH	Thị xã Đông Triều	35,796
QUẢNG NINH	TỈNH QUẢNG NINH	13
QUẢNG TRỊ	Huyện Cam Lộ	8,382
QUẢNG TRỊ	Huyện Con Cỏ	59
QUẢNG TRỊ	Huyện Gio Linh	12,388
QUẢNG TRỊ	Huyện Hướng Hóa	12,016
QUẢNG TRỊ	Huyện Hải Lăng	12,126
QUẢNG TRỊ	Huyện Triệu Phong	13,007
QUẢNG TRỊ	Huyện Vĩnh Linh	13,545
QUẢNG TRỊ	Huyện Đa Krông	3,482
QUẢNG TRỊ	Thành phố Đông Hà	31,970
QUẢNG TRỊ	Thị xã Quảng Trị	6,304
QUẢNG TRỊ	TỈNH QUẢNG TRỊ	39
SÓC TRĂNG	Huyện Châu Thành	7,201
SÓC TRĂNG	Huyện Cù Lao Dung	4,805
SÓC TRĂNG	Huyện Kế Sách	9,372
SÓC TRĂNG	Huyện Long Phú	5,103
SÓC TRĂNG	Huyện Mỹ Tú	4,623
SÓC TRĂNG	Huyện Mỹ Xuyên	8,211
SÓC TRĂNG	Huyện Thạnh Trị	7,725
SÓC TRĂNG	Huyện Trần Đề	5,735
SÓC TRĂNG	Thành phố Sóc Trăng	22,808
SÓC TRĂNG	Thị xã Ngã Năm	3,685
SÓC TRĂNG	Thị xã Vĩnh Châu	7,924
SƠN LA	Huyện Bắc Yên	2,383
SƠN LA	Huyện Mai Sơn	9,607
SƠN LA	Huyện Mường La	5,756
SƠN LA	Huyện Mộc Châu	10,749
SƠN LA	Huyện Phù Yên	6,344
SƠN LA	Huyện Quỳnh Nhai	2,787
SƠN LA	Huyện Sông Mã	6,518

SƠN LA	Huyện Sốp Cộp	1,889
SƠN LA	Huyện Thuận Châu	6,319
SƠN LA	Huyện Vân Hồ	2,058
SƠN LA	Huyện Yên Châu	3,806
SƠN LA	Thành phố Sơn La	20,114
SƠN LA	TỈNH SƠN LA	23
THANH HÓA		77
THANH HÓA	Huyện Bá Thước	6,732
THANH HÓA	Huyện Cẩm Thủy	8,902
THANH HÓA	Huyện Hoàng Hóa	23,398
THANH HÓA	Huyện Hà Trung	11,176
THANH HÓA	Huyện Hậu Lộc	15,257
THANH HÓA	Huyện Lang Chánh	3,364
THANH HÓA	Huyện Mường Lát	1,950
THANH HÓA	Huyện Nga Sơn	12,418
THANH HÓA	Huyện Ngọc Lặc	9,623
THANH HÓA	Huyện Như Thanh	7,790
THANH HÓA	Huyện Như Xuân	6,239
THANH HÓA	Huyện Nông Cống	15,270
THANH HÓA	Huyện Quan Hóa	3,176
THANH HÓA	Huyện Quan Sơn	3,118
THANH HÓA	Huyện Quảng Xương	22,945
THANH HÓA	Huyện Thiệu Hoá	10,804
THANH HÓA	Huyện Thường Xuân	6,717
THANH HÓA	Huyện Thạch Thành	10,914
THANH HÓA	Huyện Thọ Xuân	17,134
THANH HÓA	Huyện Triệu Sơn	17,744
THANH HÓA	Huyện Tĩnh Gia	27,569
THANH HÓA	Huyện Vĩnh Lộc	6,856
THANH HÓA	Huyện Yên Định	13,572
THANH HÓA	Huyện Đông Sơn	8,992
THANH HÓA	Thành phố Sầm Sơn	22,031
THANH HÓA	Thành phố Thanh Hóa	89,949
THANH HÓA	Thị xã Bỉm Sơn	10,746
THÁI BÌNH	Huyện Hưng Hà	18,751
THÁI BÌNH	Huyện Kiến Xương	16,971
THÁI BÌNH	Huyện Quỳnh Phụ	19,575
THÁI BÌNH	Huyện Thái Thụy	25,401
THÁI BÌNH	Huyện Tiền Hải	21,788
THÁI BÌNH	Huyện Vũ Thư	22,157
THÁI BÌNH	Huyện Ân Thi	38
THÁI BÌNH	Huyện Đông Hưng	21,912
THÁI BÌNH	Thành phố Thái Bình	45,000
THÁI NGUYÊN		1,205

THÁI NGUYÊN	Huyện Phú Bình	17,824
THÁI NGUYÊN	Huyện Phú Lương	13,873
THÁI NGUYÊN	Huyện Võ Nhai	6,352
THÁI NGUYÊN	Huyện Đại Từ	19,371
THÁI NGUYÊN	Huyện Định Hóa	7,487
THÁI NGUYÊN	Huyện Đồng Hỷ	16,692
THÁI NGUYÊN	Thành phố Sông Công	10,526
THÁI NGUYÊN	Thành phố Thái Nguyên	79,066
THÁI NGUYÊN	Thị xã Phổ Yên	37,425
THỪA THIÊN HUẾ	Huyện A Lưới	6,073
THỪA THIÊN HUẾ	Huyện Nam Đông	3,151
THỪA THIÊN HUẾ	Huyện Phong Điền	12,991
THỪA THIÊN HUẾ	Huyện Phú Lộc	16,581
THỪA THIÊN HUẾ	Huyện Phú Vang	21,652
THỪA THIÊN HUẾ	Huyện Quảng Điền	8,804
THỪA THIÊN HUẾ	Thành phố Huế	86,424
THỪA THIÊN HUẾ	Thị xã Hương Thủy	19,778
THỪA THIÊN HUẾ	Thị xã Hương Trà	14,282
TIỀN GIANG	Huyện Cai Lậy	11,310
TIỀN GIANG	Huyện Châu Thành	21,318
TIỀN GIANG	Huyện Chợ Gạo	12,712
TIỀN GIANG	Huyện Cái Bè	19,525
TIỀN GIANG	Huyện Gò Công Tây	6,278
TIỀN GIANG	Huyện Gò Công Đông	6,428
TIỀN GIANG	Huyện Tân Phú Đông	1,919
TIỀN GIANG	Huyện Tân Phước	6,577
TIỀN GIANG	Thành phố Mỹ Tho	28,448
TIỀN GIANG	Thị xã Cai Lậy	11,362
TIỀN GIANG	Thị xã Gò Công	6,530
TRÀ VINH	Huyện Châu Thành	7,116
TRÀ VINH	Huyện Càng Long	8,072
TRÀ VINH	Huyện Cầu Kè	4,878
TRÀ VINH	Huyện Cầu Ngang	5,065
TRÀ VINH	Huyện Duyên Hải	2,882
TRÀ VINH	Huyện Tiểu Cần	4,864
TRÀ VINH	Huyện Trà Cú	5,327
TRÀ VINH	Thành phố Trà Vinh	17,790
TRÀ VINH	Thị xã Duyên Hải	4,226
TUYÊN QUANG	Huyện Chiêm Hóa	8,333
TUYÊN QUANG	Huyện Hàm Yên	7,156
TUYÊN QUANG	Huyện Lâm Bình	1,718
TUYÊN QUANG	Huyện Nà Hang	2,982
TUYÊN QUANG	Huyện Sơn Dương	13,448
TUYÊN QUANG	Huyện Yên Sơn	12,219

TUYÊN QUANG	Thành phố Tuyên Quang	19,713
TÂY NINH	Huyện Bến Cầu	6,321
TÂY NINH	Huyện Châu Thành	11,894
TÂY NINH	Huyện Dương Minh Châu	12,341
TÂY NINH	Huyện Gò Dầu	16,851
TÂY NINH	Huyện Hòa Thành	17,835
TÂY NINH	Huyện Trảng Bàng	19,319
TÂY NINH	Huyện Tân Biên	9,195
TÂY NINH	Huyện Tân Châu	13,363
TÂY NINH	Thành phố Tây Ninh	24,288
VĨNH LONG	Huyện Bình Tân	5,665
VĨNH LONG	Huyện Long Hồ	16,149
VĨNH LONG	Huyện Mang Thít	6,918
VĨNH LONG	Huyện Tam Bình	10,736
VĨNH LONG	Huyện Trà Ôn	9,925
VĨNH LONG	Huyện Vũng Liêm	10,828
VĨNH LONG	Thành phố Vĩnh Long	25,958
VĨNH LONG	Thị xã Bình Minh	8,035
VĨNH PHÚC	Huyện Bình Xuyên	20,374
VĨNH PHÚC	Huyện Lập Thạch	10,059
VĨNH PHÚC	Huyện Sông Lô	6,592
VĨNH PHÚC	Huyện Tam Dương	11,747
VĨNH PHÚC	Huyện Tam Đảo	7,324
VĨNH PHÚC	Huyện Vĩnh Tường	20,349
VĨNH PHÚC	Huyện Yên Lạc	15,287
VĨNH PHÚC	Thành phố Phúc Yên	20,484
VĨNH PHÚC	Thành phố Vĩnh Yên	30,926
YÊN BÁI	Huyện Lục Yên	6,936
YÊN BÁI	Huyện Mù Cang Chải	1,845
YÊN BÁI	Huyện Trạm Tấu	1,212
YÊN BÁI	Huyện Trấn Yên	6,468
YÊN BÁI	Huyện Văn Chấn	8,350
YÊN BÁI	Huyện Văn Yên	10,094
YÊN BÁI	Huyện Yên Bình	9,721
YÊN BÁI	Thành phố Yên Bái	21,372
YÊN BÁI	Thị xã Nghĩa Lộ	4,578
YÊN BÁI	TỈNH YÊN BÁI	89
ĐIỆN BIÊN	Huyện Mường Chà	1,562
ĐIỆN BIÊN	Huyện Mường Nhé	2,186
ĐIỆN BIÊN	Huyện Mường Ảng	2,326
ĐIỆN BIÊN	Huyện Nậm Pồ	2,130
ĐIỆN BIÊN	Huyện Tuần Giáo	4,374
ĐIỆN BIÊN	Huyện Tủa Chùa	1,843
ĐIỆN BIÊN	Huyện Điện Biên	7,537

ĐIÊN BIÊN	Huyện Điện Biên Đông	2,231
ĐIÊN BIÊN	Thành phố Điện Biên Phủ	13,097
ĐIÊN BIÊN	Thị xã Mường Lay	1,219
ĐÀ NẴNG	Huyện Hoà Vang	31,060
ĐÀ NẴNG	Quận Cẩm Lệ	56,135
ĐÀ NẴNG	Quận Hải Châu	89,232
ĐÀ NẴNG	Quận Liên Chiểu	75,096
ĐÀ NẴNG	Quận Ngũ Hành Sơn	40,727
ĐÀ NẴNG	Quận Sơn Trà	54,660
ĐÀ NẴNG	Quận Thanh Khê	65,196
ĐẮK LẮK	Huyện Buôn Đôn	4,391
ĐẮK LẮK	Huyện Cư Kuin	7,229
ĐẮK LẮK	Huyện Cư M'gar	12,815
ĐẮK LẮK	Huyện Ea H'leo	10,307
ĐẮK LẮK	Huyện Ea Kar	12,355
ĐẮK LẮK	Huyện Ea Súp	4,835
ĐẮK LẮK	Huyện Krông A Na	6,222
ĐẮK LẮK	Huyện Krông Bông	5,545
ĐẮK LẮK	Huyện Krông Búk	4,555
ĐẮK LẮK	Huyện Krông Năng	9,734
ĐẮK LẮK	Huyện Krông Pắc	15,398
ĐẮK LẮK	Huyện Lắk	3,384
ĐẮK LẮK	Huyện M'Đrăk	5,000
ĐẮK LẮK	Thành phố Buôn Ma Thuột	78,321
ĐẮK LẮK	Thị xã Buôn Hồ	9,546
ĐẮK NÔNG	Huyện Cư Jút	7,349
ĐẮK NÔNG	Huyện Krông Nô	6,081
ĐẮK NÔNG	Huyện Tuy Đức	4,691
ĐẮK NÔNG	Huyện Đắk Glong	4,650
ĐẮK NÔNG	Huyện Đắk Mil	9,104
ĐẮK NÔNG	Huyện Đắk R'Lấp	8,079
ĐẮK NÔNG	Huyện Đắk Song	6,901
ĐẮK NÔNG	Thị Xã Gia Nghĩa	13,700
ĐỒNG NAI	Huyện Cẩm Mỹ	13,147
ĐỒNG NAI	Huyện Long Thành	42,479
ĐỒNG NAI	Huyện Nhơn Trạch	44,966
ĐỒNG NAI	Huyện Thống Nhất	17,223
ĐỒNG NAI	Huyện Trảng Bom	50,006
ĐỒNG NAI	Huyện Tân Phú	14,137
ĐỒNG NAI	Huyện Vĩnh Cửu	20,819
ĐỒNG NAI	Huyện Xuân Lộc	22,195
ĐỒNG NAI	Huyện Định Quán	19,063
ĐỒNG NAI	Thành phố Biên Hòa	214,286
ĐỒNG NAI	Thành phố Long Khánh	21,847

ĐỒNG NAI	TỈNH ĐỒNG NAI	15
ĐỒNG THÁP	Huyện Cao Lãnh	8,849
ĐỒNG THÁP	Huyện Châu Thành	8,630
ĐỒNG THÁP	Huyện Hồng Ngự	5,022
ĐỒNG THÁP	Huyện Lai Vung	8,548
ĐỒNG THÁP	Huyện Lấp Vò	11,555
ĐỒNG THÁP	Huyện Tam Nông	6,782
ĐỒNG THÁP	Huyện Thanh Bình	8,272
ĐỒNG THÁP	Huyện Tháp Mười	11,374
ĐỒNG THÁP	Huyện Tân Hồng	5,728
ĐỒNG THÁP	Thành phố Cao Lãnh	18,922
ĐỒNG THÁP	Thành phố Sa Đéc	12,727
ĐỒNG THÁP	Thị xã Hồng Ngự	4,433
		474,055